

PHỔ BIẾN KIẾN THỨC

KIẾN TRÚC TRUYỀN THỐNG

(tiếp theo kỳ trước)

Trong số trước của tạp chí, chúng tôi đã tập trung vào giới thiệu về một số loại hình kiến trúc nhà sàn, nhà trình tường, nhà mái dốc dưới góc độ tiền đề. Trong số này, chúng tôi xin giới thiệu sơ lược về diễn biến của một số kiến trúc truyền thống thời Lý và thời Trần.

Thời Lý:

Dấu vết các kiến trúc nhà cửa của thế kỷ 10 và đầu thế kỷ 11 rất hiếm hoi, hay nói cách khác, hiện chưa tìm thấy. Bởi vậy chúng ta thiếu căn cứ để bàn một cách cụ thể về các di tích kiến trúc của giai đoạn này. Từ những năm đầu của thế kỷ 10, người Việt đã đánh đuổi quân xâm lược phương Bắc ra khỏi địa giới của mình, nhưng việc tổ chức một chính quyền, một xã hội thì người Việt chưa hề có kinh nghiệm. Chỉ khi nhà Lý được thành lập, sức mạnh và ý thức khẳng định về một dân tộc độc lập đã mạnh hơn, thì một chính quyền trung ương tập quyền mới trở nên vững chắc. Chắc chính quyền này lấy đạo Phật làm hệ tư tưởng chính thống, nhằm dựa vào đó để củng cố lại những ảnh hưởng của văn hóa Trung Hoa và như để quay về với cội nguồn Đông Nam Á.

Trên tinh thần đó kiến trúc thời Lý nổi lên là các ngôi chùa. Hiểu biết về kiến trúc Phật giáo thời Lý, chủ yếu là qua thư tịch, phế tích và qua khảo sát điền dã, từ đó có thể xác nhận 3 loại chùa chính của thời này là: *Đại danh lam* (kiêm hành cung của vua, hay do hoàng hậu hoặc các quan lớn trong triều xây), *Trung và Tiểu danh lam* (do các đại sư và quan lại xây dựng nên). Ba dạng kiến trúc trên còn thấy được ít nhiều dấu vết, còn chùa làng chỉ có thể suy đoán dưới góc độ dân tộc học nghệ thuật vì dấu tích quá mờ nhạt.

Về *Đại danh lam* loại một (của vua) có thể kể tới chùa Phật Tích (Thuận Thành-Bắc Ninh), Dạm (Quế Võ-Bắc Ninh), Tường Long (Kiến An-Hải Phòng), Long Đọi (Hà Nam), Chương Sơn (Ý Yên-Nam Định). Về cấu trúc mặt bằng, những kiến trúc này thường ít nhiều được người ta quan tâm đến thế đất. Trước hết tất cả hành cung đó đều là những ngôi chùa được đặt ở lưng chừng đồi lớn hoặc đỉnh đồi nhỏ. Các đồi này phải ở gần sông, chung quanh phải có các đồi khác chầu về hoặc tự nó phải có *thế tỷ, thế dựa*, tạo nên "chỗ ngồi" của các bậc đế vương. Từ con sông giao thông liên quan, người ta đào một con ngòi chạy thẳng vào quả đồi có chùa, gọi là ngòi Con Tên. Nối tiếp với ngòi là một con đường lớn chạy từ bến nước lên chùa-đó là đường kiệu vua đi.

Chắc chắn các *Đại danh lam* được xây dựng với quy mô bề thế, có cổng (tam quan?), có các cung điện lớp trên, lớp dưới, chung quanh có nhà tầng, thư tàng với nhiều lầu gác. Nhưng trung tâm của quần thể kiến trúc ấy bao giờ cũng là điện thờ Phật. Đó là một kiến trúc trọng tâm, có khả năng là lớn nhất, cao nhất, tập trung tinh hoa nghệ thuật nhiều nhất. Chính do sự tập trung đó mà hiện nay dấu vết của các *Đại danh lam* chỉ còn lại chủ yếu ở điện thờ Phật này. Qua các cuộc khảo sát cho thấy các *Đại danh lam* thời Lý là kiến trúc có mặt bằng thường lớn nhất trong các di tích kiến trúc chùa Việt.

Nói đến kiến trúc Phật giáo thời Lý, là phải nói đến tháp, những ngôi tháp thời Lý như chưa là tháp mộ, mà lòng tháp khá rộng, bên trong đặt một pho tượng Phật, do vậy nó mang tư cách là một Phật điện, là trung tâm của *Đại danh lam*. Tuy nhiên cũng có hai dạng tháp và

Phật điện. Loại thứ nhất được xây dựng theo quy định của nhà Phật về số tầng (số tầng tháp bao giờ cũng lẻ), như tháp Long Đọi, theo bia ghi là 13 tầng, thờ cổ Phật (đức Như Lai Đa Bảo), tháp 11 tầng để thờ các Đức Phật sau thời Thích Ca... Nói chung các tháp dạng này khá lớn, tương đối cao so với đương thời, bốn cạnh chạm Kim cương đứng trắn. Tầng đế và tầng một làm bằng đá và là nơi tập trung các mảng trang trí với các đề tài liên quan tới nhà Phật. Các tầng trên bằng gạch, cũng có các trang trí bằng đất nung.

Dạng tháp thứ hai như tháp Chương Sơn. Có lẽ tháp này được xây dựng theo dạng một tòa nhà bằng đá (có cả gạch xây) tương tự như các điện thờ của người Chăm-một cộng đồng có cùng gốc Ma-lai-ô với người Việt. Nếu như vậy, tháp tuy có mặt bằng bề thế nhưng không cao mà đầm ấm, hợp với tâm lý người Việt hơn mà cũng hợp với phong cách dàn trải theo bề rộng truyền thống nông nghiệp.

Bằng vào các tư liệu hiện biết, có thể nói Phật điện thời Lý ít nhất có hai dạng: Là một ngôi tháp hoặc một tòa nhà. Phật điện là tháp thường hay gắn với vua và nhà của hoàng hậu hay triều đình xây dựng. Phật điện bấy giờ thường rất vắng vẻ, chỉ có một pho tượng duy nhất, chưa thấy tượng tròn của một vị Bồ Tát nào được nhắc đến. Mặc dù ngay từ đầu công nguyên, người Việt đã theo Đại Thừa (Mahayana) nhưng qua điện thờ thời Lý, ta thấy một cách thờ gắn gũi với cách thờ của phái Tiểu Thừa (Hinayana).

Thời Lý còn có một ngôi chùa đặc biệt, gắn với vua đó là chùa Một Cột. Mặc dù ngôi chùa dạng này có niên đại khá sớm ở đất Việt, nhưng kiểu thức đó không phải chỉ của riêng người Việt. Bóng dáng của chùa Một Cột còn gặp ở những cây hương đá thế kỷ 17-18 và đến nay cũng thấy kiểu thức này ở mô hình của người Khơme (Sóc Trăng, đồng bằng Nam Bộ).

Xét về kiến trúc, chùa Một Cột là một am thờ nhỏ dựng trên một cột đá duy nhất. Trong am đặt tượng Phật. Ngôi chùa cổ đó của thời Lý hiện không còn, các thời sau đã sửa lại hầu như toàn bộ, nhưng điều cần lưu tâm là cây cột được làm bằng đá. Nhiều cư dân vùng Đông Nam Á có tục thờ đá. Người Mường ở Việt Nam cũng thường chôn đá quanh mộ người chết. Các thầy mo ở hầu hết các tộc người đều tích

trữ những viên đá nhỏ "kỳ lạ" trong túi thiêng. Rồi những mảnh đá "Hộ Tâm" ở lưng tượng Phật, đá ông tà trong các miếu nhỏ ven rừng của một số cư dân Đông Nam Á. Tất cả những hòn đá, cột đá đều có một ý nghĩa linh thiêng, gắn với thứ linh hồn "bàng bạc", "trời nổi" đầu đó, chúng được coi là vật chuyên chở sinh lực vũ trụ theo quan niệm của các cư dân nông nghiệp.

Chùa Một Cột nằm trên một bông sen nghìn cánh, đặt trên một cột đá lớn mọc từ hồ nước. Đức Phật từ bi vì đời mà nhập thế cứu khổ, cứu nạn lại ngồi trên tòa sen nghìn cánh đó như biểu hiện một thế lực vô bờ bến. Tất cả siêu lực vũ trụ ấy được chuyên chở qua cột đá, truyền xuống cho đất và nước, khiến cây cối phát triển, mùa màng tốt tươi, con người no đủ.

Hiểu như vậy ta càng thấy sự dung hội giữa đạo Phật và tín ngưỡng dân gian ở chùa Một Cột đã nhuần nhuyễn đến thành nghệ thuật.

Đại danh lam loại hai cũng được nhắc đến nhiều nhưng hiện nay mới thấy có hai di tích: Hương Lăng (Văn Lâm - Hưng Yên) và Bà Tấm (Gia Lâm - Hà Nội), cả hai đều do Ý Lan phu nhân cho dựng. Loại chùa này không ở trên đồi mà chỉ đắp nền cho cao hơn mặt ruộng. Qua dấu vết còn lại ta thấy chùa có một quy mô khá to lớn, chiếm mặt bằng gần tới 1 héc-ta. Mở đầu cho khu di tích là một hệ thống cửa (có 3 lối vào), rồi bậc tam cấp dẫn lên một nền phẳng. Tại thời điểm khởi dựng, ở cấp nền này chắc cũng phải có một hoặc vài kiến trúc nào đó. Từ cấp nền này lên đến cấp nền thứ hai cũng có ba lối lên. Có thể đây là khu tiền đường hoặc chỗ hội họp, đôi khi có dựng những nghi vật (cột đá, bia...). Cấp nền thứ ba là ngôi chùa chính, bao gồm nhà tầng, nhà "Hội đồng", thư tàng và Phật điện. Sử sách không nói đến tháp ở dạng kiến trúc này. Và, hiện nay qua nhiều cuộc khảo sát đã thấy dấu vết của việc xây dựng bằng gạch.

Có lẽ Phật điện bấy giờ là một am thờ vừa phải, bên trong đặt một pho tượng chính. Nhiều người cho rằng đó là một tòa nhà dựng trên một nền cao, vuông, bó vỉa bằng gạch hoặc đá, kiến trúc bên trên bằng gỗ mít, mái ngói, bộ khung thường kết cấu một gian hai chái với bốn cột cái và 12 cột quân. Nhiều dữ kiện cho biết quanh điện không có tường bao. Mỗi lễ định kỳ, chúng sinh vừa lễ, vừa chạy đàn xung quanh



chông chùa Trám Gian - Ảnh: Đình Thanh

Phật điện.

Nhìn chung *Đại danh lam* loại này không khác nhiều lắm so với *Đại danh lam* kiêm hành cung của vua, dù cho *Đại danh lam* của hoàng hậu không có tháp. Cách bố cục theo cấp nền cũng không khác ở chùa Dạm hay Phật Tích, mà chỉ chênh nhau về kích thước (cấp nền ở chùa Lăng và Bà Tấm cao hơn nhau khoảng 1m, các cấp nền ở Phật Tích tới 6m). Nhưng vị trí Phật điện và tượng thờ trên Phật điện có thể là tương đồng. Việc xây dựng những kiến trúc Phật giáo thời Lý bao giờ cũng tuân thủ các nguyên tắc chặt chẽ, quy phạm, bố cục rành mạch, dứt khoát trong một trật tự đã quy định. Ngay cả các hình thức trang trí cũng vậy. Chúng ta không thể gặp con rồng thời Lý ở những di tích không gắn với vua, cũng như không thấy cả rồng lẫn phượng ở những di tích không liên quan tới vua và hoàng hậu.

Với dạng *Trung* và *Tiểu danh lam* của các đại sư, chúng ta có thể gặp dấu vết ở chùa Thầy, chùa Kim Hoàng (Quốc Oai-Hà Tây), chùa Chèo (Hiệp Hòa-Bắc Giang).

Tính chất chung của Phật điện cũng không khác so với Phật điện kể trên. Tuy nhiên chắc chắn chúng mang kết cấu của một am thờ, với

bộ thờ phải nhỏ hơn. Ở chùa Thầy hiện còn 7 chân tảng đá mài thời Lý. Những di vật này cho thấy am thờ là một kiến trúc gỗ. Dựa vào các kiến trúc của thời sau (Trần, Mạc), ta có thể biết am này chỉ là một tòa nhỏ với một gian hai mái, không có tường bao, bên trong đặt một tượng Phật. Những kiến trúc phụ khác của chùa gắn với kiếp tu hành của nhà sư có thể được dựng ở những hang đá lưng núi. Hình thức tu "hang" này có từ giai đoạn đầu của Phật giáo, do ảnh hưởng từ cách tu khổ hạnh của Bàlamôn. Gần đây hình thức ép xác như vậy vẫn còn tồn tại ở núi Bà Đen-Tây Ninh.

Như chùa Thầy tức Hương Hải am xưa là Phật điện ở dưới núi-nơi Từ Đạo Hạnh xuống giảng kinh, ban thuốc chữa bệnh hoặc tiến hành những hình thức lễ Phật cùng dân chúng, với kiến trúc này, hình thức *chạy đàn* như đã phổ biến ở đất Việt.

Với những chùa không gắn núi, như chùa Chèo thì ngoài am thờ Phật, chắc chắn xung quanh đó phải có một vài kiến trúc khác nữa. ở chùa Chèo còn khá nhiều chân tảng đá mài nhưng tản mát, không theo một trật tự nào, nên không rõ bố cục mặt bằng của các kiến trúc này ra sao.

Ở các chùa kể trên cũng còn các bệ tượng Phật thời Lý, những cánh hoa ở đài sen Phật ngự đều để trơn, không có hình rồng.

Dạng kiến trúc Phật giáo cuối cùng là chùa làng, gắn với các nhà sư dân dã và các đền thờ Phật, nhiều khi không có sư. Hiện nay, dạng kiến trúc này không còn lưu vết, nhưng dựa vào những cứ liệu dân tộc học có thể giả định hai dạng chùa làng khác nhau.

Loại thứ nhất là chùa hang dưới một mái đá tự nhiên gắn với một tục thờ hệ thống thần miếu nguyên thủy được Phật giáo hóa. Người Mường hiện vẫn thờ những nhũ đá mà họ gọi là Bụt (Buddha). Có thể nghĩ đến dạng chùa hang (như ở Hương Tích-Hà Tây), có hang với niên đại khá sớm, hay những chùa hang khác muộn hơn ở ngay núi Sài-chùa Thầy.

Tục đi chùa xoa đầu Cô, đầu Cậu thường chỉ cho là một hình thức Phật hóa Linga. Trong thời Lý, ngay ở các di tích lớn của triều đình cũng gặp biến tướng của tục thờ Linga như cột biểu chùa Dạm, cột tròn chùa Bà Tấm và nhiều cột đá khác nữa. Hiện tượng này càng minh chứng cho sự dung hội giữa Phật giáo với các tín ngưỡng dân gian trong giai đoạn Phật giáo được đề cao.

Dạng chùa làng thứ hai ở vùng đồng bằng, hiện vẫn còn phổ biến ở người Mường, đó là những thảo am, xây dựng bằng những vật liệu đơn giản như nhà dân dã. Trong am chỉ có một Phật án, một hình ảnh Phật, thậm chí chỉ có một chữ Phật lớn trên nền vôi đỏ.

Hai tộc Việt-Mường mới chỉ tách hẳn trong thời gian gần đây (thế kỷ 16-17), xã hội Mường (cũng như xã hội của những tộc người miền núi khác) khá ngưng đọng. Do vậy, cứ liệu về chùa Mường hiện tại có thể vẫn giữ được những hình dáng cơ bản của các đền thờ Phật cách đây nhiều thế kỷ của cả người Việt.

Ở thời Lý, loại hình kiến trúc nổi bật nhất là chùa, nhưng tất yếu còn nhiều loại hình kiến trúc khác nữa. Chắc chắn có những ngôi đền thờ Tứ Pháp (Mây-Mưa-Sấm-Chớp) của tín ngưỡng thờ lực lượng thần linh tự nhiên. Rồi đền thờ các vua trời như Brahma (Phạm Thiên), Indra (Đế Thích). Các ngôi quán Đạo giáo như Bích Câu Đạo quán và Văn Miếu thờ Khổng Tử. Tuy nhiên đến nay, dấu vết vật chất của các di tích dạng này ở thời Lý không còn.

Thời Trần:

Trong các hình thức kiến trúc của thời Trần, kiến trúc Phật giáo vẫn chiếm ưu thế. Tuy nhiên các kiến trúc loại này đã có nhiều khác biệt so với trước. Vẫn còn *Đại-Trung-Tiểu danh lam*, nhưng sự phân biệt ấy chỉ còn mang tính tương đối mà thôi. Mặt khác, đạo Phật dưới thời Trần có sự phát triển mới cũng ảnh hưởng nhiều đến các kiến trúc. Đạo Phật thời Trần với phái Trúc Lâm (do Trần Nhân Tông khai sáng) đã đi vào một khía cạnh sâu sắc của đạo Phật: Cái Tâm. Đồng thời, nếu tên chùa thời Lý phần nhiều gắn với ước vọng của cuộc đời nhân thế, thì chùa thời Trần đã mang tên đầy tính Phật triết. Đặc điểm nổi bật nhất của Phật giáo thời kỳ này là *vô chấp*, không phụ thuộc vào Hình, Danh, Sắc, Tướng. Phật tại Tâm và Niết Bàn Vô Trụ Xứ... Tình hình đó khiến các kiến trúc Phật giáo gắn với cung đình bị giảm sút. Hiện nay chúng ta còn gặp một vài ngôi chùa như Phổ Minh (Nam Định), Yên Tử (Quảng Ninh), nhưng không còn mang tính chất hành cung nữa, mà thuần túy là những kiến trúc tôn giáo.

Về mặt kiến trúc, ngôi tháp vẫn được chú ý. Tuy vẫn là một trong những công trình trung tâm của chùa, nhưng ngôi tháp thường được đẩy ra phía trước và không còn là Phật điện. Cụ thể ở Phổ Minh, lòng tháp rất hẹp và ngay sau tháp là thành bậc tam cấp của một tòa nhà mang tư cách Phật điện. Đương nhiên ngôi chùa còn những kiến trúc khác, song hiện nay chúng ta chưa thấy dấu vết để khảo cứu.

Tháp thời Trần thường có nhiều tầng và theo chiều cao, được nghĩ tới do ảnh hưởng của Trung Hoa. Tầng đế và tầng một vẫn thường làm bằng đá, các tầng trên xây bằng gạch, bốn góc nẹp đá. Các lớp mái của mỗi tầng xây giạt cấp, mở rộng ra. Chưa có dáng cong góc mái-đó là vài nét bảo lưu từ cây tháp thời Lý.

Vào khoảng những năm 1357-1368, sau những cuộc kháng chiến chống giặc Nguyên, với "sức dân như nước", nhiều ngôi chùa làng với chất liệu bền vững hơn xuất hiện. Hiện còn gặp nhiều dấu vết ở hai di tích: Bối Khê (Hà Tây) và Thái Lạc (Hưng Yên).

Chùa dạng này được dựng trên nền cao, gần như vuông, (mỗi cạnh từ 9-11m). Trên đó là một kiến trúc bằng gỗ với 4 cột cái, 12 cột quân, mái ngói, không tường bao. Vì nóc kiểu Giá chiêng, cổn chống rường, bẩy khá lớn để

mở rộng hiện.

Trong chùa, nhất là chùa ở ven sông Đáy, thường có một nhang án lớn bằng đá nằm sát cột cái phía trong, chiếm chiều dài xấp xỉ bề rộng gian nhà.

Nghệ thuật của một ngôi chùa dạng này là sự kết hợp ít nhất của ba dòng khác nhau: Dòng bản địa, dòng Trung Hoa được Việt hóa trong kết cấu, dòng Đông Nam Á (chịu ảnh hưởng Ấn Độ qua các đề tài trang trí gắn với Phật thoại).

Có một loại kiến trúc khác là đền, song chỉ còn để lại nền móng như: Kiếp Bạc, Thiên Trường...những đền này thờ các nhân thần. Vốn nằm trong các diền trang, thái ấp của tướng lĩnh, tiền thân đền là nơi ở của các vị này, khi họ chết thì thành đền thờ.

Thời Trần có một loại hình kiến trúc khác là những lăng-miếu mộ. Lăng của vua, miếu mộ của các quan lớn trong triều, như miếu mộ của Trần Thủ Độ. Thời Lý chắc cũng có lăng mộ nhưng không còn dấu vết gì, trái lại các miếu mộ thời Trần còn rất rõ.

Ở vùng Yên Sinh (Hải Dương, hoặc ở Thâm

Động-Thái Bình), mỗi lăng mộ thường chiếm diện tích gần hết mặt một quả đồi. Thông thường lăng có mặt bằng hình chữ nhật, có lăng dài hơn 100m, rộng xấp xỉ 60m. Tất cả các công trình gắn với lăng được làm cân xứng hai bên trục trung tâm (Thần đạo). Dấu vết các kiến trúc quá mờ nhạt, nhưng các tượng người, vật...với tư cách kẻ "hầu hạ" thì còn minh định được. Hệ thống các tượng xếp hai bên đường, gần mộ táng.

Như vậy, nếu thời Lý chỉ còn để lại tới những dấu vết vật chất của một loại hình chùa thì thời Trần để lại ba dạng di tích: Chùa, đền, lăng mộ. Tất nhiên kiến trúc gắn với triều đình thì thời nào cũng có và chắc chắn những dạng kiến trúc tôn giáo khác của thời Lý vẫn tồn tại dưới thời Trần. Và bằng vào thư tịch cổ, chúng ta đã biết thời Trần còn có một dạng kiến trúc đình trạm, nơi dừng chân cho khách bộ hành...

(kỳ sau đăng tiếp)

KTS. TRẦN ĐÌNH THÀNH

(Theo tư liệu của Trần Lâm)

VỀ GIÁ TRỊ ĐA DẠNG SINH HỌC Ở VỊNH HẠ LONG

(tiếp trang 87)

quản lý hệ thống khu bảo tồn thiên nhiên Việt Nam đến năm 2010" và Quyết định số 131/2004/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình "Bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2010".

- Thực hiện các quyết định của UBND tỉnh Quảng Ninh về bảo vệ Khu di sản Vịnh Hạ Long và các chế độ nội quy về quản lý của Ban Quản lý Vịnh Hạ Long. Tăng cường công tác kiểm soát và xử phạt đối với các hành vi làm suy thoái đa dạng sinh học của Vịnh Hạ Long.

Kết luận.

Vịnh Hạ Long là kỳ quan thiên nhiên thế giới, không những có giá trị tuyệt hảo về vẻ đẹp tự nhiên, tính độc đáo về địa chất mà còn có giá trị cao về đa dạng sinh học. Các giá trị bảo tồn đa dạng sinh học Vịnh Hạ Long không thua kém nơi nào ở vùng ven biển bờ Tây vịnh Bắc Bộ. Tuy vậy, Vịnh Hạ Long hiện đang nằm trong vùng tam giác phát triển kinh tế năng động. Các hành động phát triển thường mâu thuẫn với nhiệm vụ bảo tồn. Do đó, đề nghị tỉnh Quảng

Ninh cần phải xây dựng một chiến lược phát triển tổng hợp, hài hòa sao cho vừa bảo đảm phát triển tăng trưởng kinh tế vừa đáp ứng được yêu cầu bảo tồn đa dạng sinh học, nhằm mục tiêu phát triển bền vững.

N.V.T

Tài liệu tham khảo.

1. Nguyễn Văn Tiến, 1995 (chủ biên). *Điều tra nguồn lợi sinh vật vùng triều Nam Vịnh Hạ Long*. Báo cáo khoa học, lưu trữ tại Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng, 60 trang.
2. Phạm Đình Trọng, 1996 (chủ biên). *Điều tra sinh vật vùng dưới triều Vịnh Hạ Long*. Báo cáo khoa học, lưu trữ tại Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng, 50 trang.
3. Nguyễn Văn Tiến, 2004 (chủ biên). *Đánh giá đa dạng sinh học Khu di sản Vịnh Hạ Long và đề xuất kế hoạch quản lý*. Đề tài hợp tác quốc tế Asean-EU, lưu trữ tại Phân viện Hải dương học tại Hải Phòng, 100 trang.